

Bản án số: 07/2018/KDTM-ST  
Ngày 16 - 10 -2018  
V/v tranh chấp phát sinh trong hoạt động  
kinh doanh thương mại

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Anh Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Sóng

Ông Nguyễn Trần Quỳnh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2017/TLST-KDTM, ngày 17 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-KDTM, ngày 01 tháng 10 năm 2018; giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP TQNV (sau đây viết tắt là B); địa chỉ trụ sở: Tầng 71 Tòa nhà CS, 6 PCT, phường PCT, quận KH, thành phố Hà Nội; địa chỉ phòng giao dịch Thủy Nguyên: Số 2 đường ĐB, thị trấn ĐN, huyện NT, thành phố Hải Phòng.

***Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:***

Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP TQNV là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

Bà Trần Thị HT; chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý nợ khách hàng cá nhân, Khối quản trị rủi ro B là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 3.0141.17 ngày 16 tháng 01 năm 2017); vắng mặt.

Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn ĐC, xã ĐH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; chức vụ: Cán bộ B; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 3.0663.18 ngày 23 tháng 3 năm 2018); có mặt.

Ông Phạm Đình S, sinh năm 1960; cán bộ B; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 3.0663.18 ngày 23 tháng 3 năm 2018); vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Ch và vợ Nguyễn Thị Th; địa chỉ: Thôn 2, xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: Thôn 2. xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Bà Lê Thị L; địa chỉ: Thôn 2. xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Chị Trần Thị H; địa chỉ: Thôn 1, xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Anh Trần Văn H2 và vợ Đàm Phương T; địa chỉ: Thôn 2. xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Anh Trần Văn H3; đăng ký thường trú: Thôn 2. xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Khu CB, thị trấn LB, huyện LB, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Chị Trần Thị H4; địa chỉ: Thôn 2, xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Anh Trần Văn T1 và vợ chị Phan Thị N; địa chỉ: Thôn 2. xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Anh Trần Văn T3; đăng ký thường trú: Thôn 2. xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 1, đường TNT, tổ 9, khu 11, YT, thành phố BU, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Chị Trần Mai T4; đăng ký thường trú: Thôn KN, xã NP, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trình bày và yêu cầu của nguyên đơn: B cho anh Trần Văn Ch vợ là chị Nguyễn Thị Th vay tiền theo các hợp đồng tín dụng sau: 1) Hợp đồng tín dụng số: 526/HĐTD1-B32/10 ngày 27 tháng 6 năm 2011, số tiền vay: 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ nhưng không quá 06 tháng đối với từng kế ước, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh, lãi suất vay áp dụng tại thời điểm giải ngân chịu sự điều chỉnh theo đúng chính sách lãi suất của B tại thời kỳ và phù hợp với các quy định của pháp luật;

trả nợ lãi vào ngày 15 hàng tháng. Theo đó Khế ước số 526.06/KUNN1-B32/11 ngày 6 tháng 6 năm 2012 anh Trần Văn Ch và chị Nguyễn Thị Th nhận nợ số tiền 700.000.000 đồng; thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày nhận nợ; lãi suất ba tháng đầu là 18%/năm, từ tháng thứ 04 có điều chỉnh; 2) Hợp đồng tín dụng số 258/HĐTD1-B32/12 ngày 25 tháng 9 năm 2012, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay theo khế ước nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh, lãi suất vay áp dụng tại thời điểm giải ngân. Cụ thể: Khế ước nhận nợ số 258.01/KUNN1-B32/12 ngày 02 tháng 10 năm 2012 anh Trần Văn Ch vợ là chị Nguyễn Thị Th nhận nợ số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ 02 tháng 10 năm 2012; lãi suất vay ba tháng đầu 14,5%/năm, từ tháng thứ 04 có điều chỉnh. Bảo đảm cho các hợp đồng vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 855, tờ bản đồ 03; địa chỉ: Thôn 2. xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Chủ sử dụng là ông Trần Văn Hà và bà Lê Thị Lực; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 887, tờ bản đồ 03; địa chỉ: Thôn 2. xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Chủ sử dụng là ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị M. Sau khi nhận nợ, quá trình thực hiện các hợp đồng, bị đơn không trả tiền vay cho nguyên đơn theo thỏa thuận. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử là: 2.411.697.113 đồng, trong đó: - Đối với Khế ước số 526.06/KUNN1-B32/11 ngày 6 tháng 6 năm 2012: Nợ gốc: 646.958.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 345.779 đồng và nợ lãi quá hạn 1.040.242.074 đồng; - Đối với Khế ước nhận nợ số 258.01/KUNN1-B32/12 ngày 02 tháng 10 năm 2012: Nợ gốc 295.030.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 16.174.667 đồng, nợ lãi quá hạn: 412.946.593 đồng. Đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp không trả được thì yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho B. Ngoài các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án, nguyên đơn không còn tài liệu chứng cứ nào khác.

Trình bày và đề nghị của bị đơn là anh Trần Văn Ch : Anh Trần Văn Ch có vợ là Nguyễn Thị Th. Anh Trần Văn Ch có bố đẻ là Trần Văn H và mẹ đẻ là Lê Thị L. Ông Trần Văn H chết năm 2013. Ông Trần Văn H và bà Lê Thị L có 06 người con gồm: Trần Văn H1, Trần Thị H2, Trần Văn Ch, Trần Văn T1, Trần Văn T2, Trần Thị T3. Anh Trần Văn Ch thừa nhận ký hợp đồng tín dụng vay của nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn 06 tháng; tài sản đảm bảo cho hai khoản vay là 02 diện tích đất như nguyên đơn trình bày là đúng. Do hiện nay kinh tế khó khăn nên bị đơn còn nợ số tiền như ngân hàng đưa ra là đúng. Bị đơn đồng ý trả nhưng sẽ trả dần, nếu không trả được thì cũng đồng ý phát mại tài sản.

Trình bày và đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị L trình bày: Bà có chồng là Trần Văn H, ông Trần Văn H và bà có 06 người con như anh Trần Văn Ch trình bày. Bà và ông Trần Văn H không có con riêng, con nuôi và bố mẹ nuôi. Bố mẹ ông Trần Văn H đều đã chết trước ông Trần Văn H từ rất lâu. Ông Trần Văn H chết năm 2013, không để lại di chúc. Bà và ông Trần Văn H có tài sản chung là diện tích đất tại Thôn 2, xã BH đã mang thế chấp để cho anh Trần Văn Ch và vợ là chị Nguyễn Thị Th vay tiền kinh doanh. Nay ngân hàng khởi kiện thì đề nghị cho anh Trần Văn Ch trả nợ dần, nếu anh Trần Văn Ch không trả được nợ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà có chồng là ông Trần Văn X. Bà và ông Trần Văn X có 02 con chung là Trần Thị H và Trần Văn H1. Ông bà không có con nuôi, bố mẹ nuôi. Bố mẹ ông Trần Văn X đều đã chết trước ông Trần Văn X từ rất lâu. Ông Trần Văn X chết năm 2017, không để lại di chúc. Ông bà có tài sản chung là diện tích đất tại xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng đã thế chấp để cho anh Trần Văn Ch và vợ là chị Nguyễn Thị Th vay vốn ngân hàng làm ăn. Tài sản hiện nay do bà và vợ chồng anh Trần Văn H sử dụng. Hoàn cảnh gia đình bà hiện nay rất khó khăn, không thể trả nợ thay cho anh Trần Văn Ch được. Đề nghị anh Trần Văn Ch phải trả nợ để trả bìa đồ cho bà.

Anh Trần Văn H trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị M.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng; nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng về việc vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do. Về việc giải quyết nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng: Điều 5, Điều 30, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, 323, 342, 343, 471, 474, 715, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 117, 463, 466, 500, 502 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh Trần Văn Ch và vợ là chị Nguyễn Thị Th phải trả cho B toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử là 2.411.697.113 đồng, theo các Khế ước nhận nợ cụ thể; Trường hợp không trả được nợ thì B có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn phải nộp án phí theo quy định, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu chứng cứ như sau: Hồ sơ pháp nhân, biên lai thu tạm ứng án phí, các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, các bảng kê tính lãi, các tài liệu liên quan đến

việc cho vay, bản tự khai. Bị đơn giao nộp bản tự khai. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao nộp biên bản tự khai, giấy chứng tử. Tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được là biên bản xác minh, biên bản xem xét thẩm định tài chỗ; bản sao sổ quản lý nhân hộ khẩu; biên bản lấy lời khai của đương sự.

Tình tiết mà các bên thống nhất: Việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, số tiền bị đơn vay của nguyên đơn, tài sản bảo đảm. Tình tiết mà các bên không thống nhất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ, nếu không trả được nợ thì yêu cầu phát mại tài sản thế chấp. Bị đơn có ý kiến chấp nhận trả nợ nhưng hiện nay kinh tế khó khăn, bị đơn không có nguồn trả nợ ngay mà xin trả nợ dần. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị bị đơn phải trả nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, pháp luật áp dụng và thời hiệu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thì đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng ngân hàng giữa cá nhân với Ngân hàng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có nơi cư trú tại xã HB, huyện NT, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này do vậy áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết. Về thời hiệu khởi kiện, áp dụng theo quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015. Giấy báo nợ ngày 13 tháng 4 năm 2018 ghi nhận anh Trần Văn Ch nộp tiền trả tiền gốc quá hạn; đơn khởi kiện Ngân hàng nộp tại Tòa án ngày 03 tháng 5 năm 2018, vì vậy vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Việc B cho anh Trần Văn Ch và vợ là chị Nguyễn Thị Th vay tiền theo các Hợp đồng tín dụng số 526/HĐTD1-B32/10 ngày 27 tháng 6 năm 2011 và Hợp đồng tín dụng số 258/HĐTD1-B32/12 ngày 25 tháng 9 năm 2012, thông qua Khế ước số 526.06/KUNN1-B32/11 ngày 6 tháng 6 năm 2012 và Khế ước nhận nợ số 258.01/KUNN1-B32/12 ngày 02 tháng 10 năm 2012 là có thật, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận và không phản đối phù hợp với Điều 385, 398, 463, 116, 117 Bộ luật Dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn không trả tiền nợ đúng hạn nên nguyên đơn khởi kiện vì vậy bị đơn phải trả nợ cho B là phù hợp với Điều 275, 357 Bộ luật Dân sự, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004.

[3] Xét hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 27 tháng 7 năm 2011, Phụ lục số 258.01/PL-B Đ/017 ngày 26 tháng 9 năm 2012 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

với đất ngày 08 tháng 6 năm 2010 đều được các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tự nguyện tham gia, ký kết thể hiện ý chí của các bên; về hình thức và nội dung của các hợp đồng thế chấp đều đảm bảo đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật và đã được công chứng, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng quy định của pháp luật. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho B thì B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với các điều 292, 293, 295, 296, 299 Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho B. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP TQNV:

1.1. Anh Trần Văn Ch và vợ là chị Nguyễn Thị Th phải trả Ngân hàng TMCP TQNV số tiền 2.411.697.113 đồng, trong đó: - Đối với Khế ước số 526.06/KUNN1-B32/11 ngày 6 tháng 6 năm 2012: Nợ gốc: 646.958.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 345.779 đồng và nợ lãi quá hạn 1.040.242.074 đồng; - Đối với Khế ước nhận nợ số 258.01/KUNN1-B32/12 ngày 02 tháng 10 năm 2012: Nợ gốc 295.030.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 16.174.667 đồng, nợ lãi quá hạn: 412.946.593 đồng.

Kể ngày 17 tháng 10 năm 2018, anh Trần Văn Ch và vợ là chị Nguyễn Thị Th vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi tính trên số nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tương ứng cho đến khi trả hết nợ gốc.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp anh Trần Văn Ch và vợ là chị Nguyễn Thị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho B thì B có quyền yêu cầu phát mại tài sản sau đây để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 887, tờ bản đồ số 03, địa chỉ Thôn 2. xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng, diện tích 579m<sup>2</sup>; được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 267536, ngày 22 tháng 7 năm 2011 cho chủ sử dụng là ông Trần Văn X vợ là Nguyễn Thị M.

- Quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với thửa số 855, tờ bản đồ số 03, địa chỉ xóm 2, xã BH, huyện NT, thành phố Hải Phòng, diện tích 325m<sup>2</sup>; được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 539353, ngày 17 tháng 5 năm 2007 cho chủ sử dụng là ông Trần Văn H vợ là Lê Thị L.

2. Về án phí: Anh Trần Văn Ch và vợ là chị Nguyễn Thị Th phải chịu 80.234.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP TQNV số tiền tạm ứng án phí 38.170.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009199, ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hải phòng;
- VKSND huyện Thủy nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Anh Sơn**